UBND PHƯỜNG QUẾ VÕ
TRƯỜNG THCS QUẾ VÕ

(Đề có 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1
NĂM HỌC 2026 – 2027
***Môn*: Toán – Lớp 7**
***Thời gian làm bài*: 90 phút** *(không kể thời gian giao đề)*

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Mỗi câu chỉ chọn một phương án đúng. Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu 1. Cặp phân số nào sau đây bằng nhau?

A. $\frac{2}{3}$ và $\frac{4}{9}$ B. $\frac{-3}{4}$ và $\frac{6}{-8}$ C. $\frac{-1}{5}$ và $\frac{1}{-4}$ D. $\frac{5}{6}$ và $\frac{6}{5}$

Câu 2. Cho hai góc đối đỉnh $\widehat{xOy}$ và $\widehat{x'Oy'}$. Khẳng định nào đúng?

A. Hai góc đó bằng nhau
B. Hai góc đó bù nhau
C. Hai góc đó có số đo khác nhau
D. Hai góc đó phụ nhau

Câu 3. Kết quả của $\frac{2}{5}+\frac{-3}{10}$ là

A. $\frac{-1}{5}$ B. $\frac{1}{10}$ C. $\frac{-1}{10}$ D. $\frac{1}{5}$

Câu 4. Giá trị của biểu thức $\left(\frac{-2}{3}\right)^2 \cdot \frac{9}{4}$ là

A. $\frac{9}{4}$ B. 1 C. $\frac{4}{9}$ D. -1

Câu 5. Đường thẳng c cắt hai đường thẳng a, b và tạo thành cặp góc so le trong bằng nhau. Khi đó

A. a trùng b B. $a \parallel b$ C. $a \perp b$ D. a cắt b tại một điểm

Câu 6. Giá trị của $\left(-\frac{1}{2}\right)^3$ là

A. $\frac{1}{8}$ B. $-\frac{3}{2}$ C. $-\frac{1}{6}$ D. $-\frac{1}{8}$

Câu 7. Số $\frac{3}{8}$ viết dưới dạng số thập phân là

A. 0,(3) B. 0,83 C. 0,375 D. 0,38

Câu 8. Tìm x, biết $x-\frac{1}{3}=\frac{-1}{2}$

A. $-\frac{5}{6}$ B. $\frac{5}{6}$ C. $\frac{1}{6}$ D. $-\frac{1}{6}$

Câu 9. Góc $\hat{B}$ kề bù với góc $\hat{A}$, biết $\hat{A}=65°$. Số đo góc $\hat{B}$ là

A. $65°$ B. $25°$ C. $115°$ D. $125°$

Câu 10. Số đối của $\frac{-4}{7}$ là

A. $\frac{4}{7}$ B. $-\frac{7}{4}$ C. $\frac{7}{4}$ D. $-\frac{4}{7}$

Câu 11. Kết quả của $2^5 \cdot 2^3$ là

A. 2^2 B. 2^{15} C. 2^8 D. 4^8

Câu 12. Kết quả của $\frac{3}{4}-\left(\frac{1}{2}-\frac{5}{6}\right)$ là

A. $\frac{1}{12}$ B. $\frac{11}{12}$ C. $\frac{13}{12}$ D. $-\frac{7}{12}$

Câu 13. Hai đường thẳng không có điểm chung thì

A. song song với nhau B. cắt nhau C. trùng nhau D. vuông góc với nhau

Câu 14. Kết quả của $\frac{-2}{5} \cdot \frac{15}{4}$ là

A. $-\frac{17}{20}$ B. $\frac{3}{2}$ C. $-\frac{3}{10}$ D. $-\frac{3}{2}$

Câu 15. Cho $a \parallel b$, đường thẳng c cắt a và b. Tổng số đo hai góc trong cùng phía tạo thành là

A. $90°$ B. $360°$ C. $180°$ D. $120°$

Câu 16. Phân số tối giản của $\frac{-12}{18}$ là

A. $-\frac{6}{9}$ B. $-\frac{2}{3}$ C. $-\frac{4}{6}$ D. $\frac{2}{3}$

Câu 17. Trong các phân số sau, phân số nào viết được dưới dạng số thập phân vô hạn tuần hoàn là

A. $\frac{2}{5}$ B. $\frac{1}{4}$ C. $\frac{1}{6}$ D. $\frac{3}{8}$

Câu 18. Một kho có 36 kg gạo. Lần thứ nhất bán $\frac{1}{3}$ số gạo; lần thứ hai bán $\frac{1}{4}$ số gạo còn lại sau lần thứ nhất. Số gạo còn lại trong kho là

A. 24 kg B. 9 kg C. 18 kg D. 12 kg

Câu 19. Tia Oz là tia phân giác của góc $\widehat{xOy}$, biết $\widehat{xOy} = 80°$. Số đo $\widehat{xOz}$ là

A. $40°$ B. $20°$ C. $160°$ D. $80°$

Câu 20. Giá trị của biểu thức $\frac{2^{10}}{2^7}$ là

A. 2^{17} B. 16 C. 4 D. 8

PHẦN II. TỰ LUẬN: (5,0 điểm)

Câu 21. (1,0 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $\frac{3}{5} - \frac{1}{4}$ b) $\frac{5}{6} : \left(-\frac{5}{12}\right) + \left(\frac{1}{2}\right)^2$

Câu 22. (1,0 điểm) Tìm x, biết:

a) $x - \frac{2}{5} = \frac{3}{4}$ b) $x^2 = \frac{9}{16}$

Câu 23. (1,0 điểm) Bạn Hoa có 240 000 đồng tiết kiệm. Hoa dùng $\frac{3}{8}$ số tiền để mua một cuốn sách. Sau đó, Hoa đóng quỹ lớp $\frac{1}{5}$ số tiền còn lại.

a) Hoa còn lại bao nhiêu tiền sau khi mua sách?

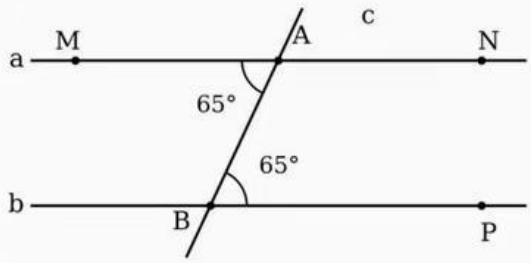
b) Hoa còn lại bao nhiêu tiền sau khi đóng quỹ lớp?

Câu 24. (1,5 điểm) Cho hình vẽ bên. Đường thẳng a chứa ba điểm M, A, N (điểm A nằm giữa M và N); đường thẳng b chứa hai điểm B, P; đường thẳng c đi qua A và B. Biết $\widehat{MAB} = \widehat{ABP} = 65°$.

a) Tính số đo góc $\widehat{BAN}$.

b) Chứng tỏ $a \parallel b$.

c) Vẽ tia Ax là tia phân giác của góc $\widehat{BAN}$. Tính số đo góc $\widehat{BAx}$.



Hình vẽ cho câu 4

Câu 25. (0,5 điểm) So sánh 2^{300} và 3^{200}.

— Hết —

Học sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

Họ và tên học sinh:……

SBD:……

UBND PHƯỜNG QUẾ VÕ
TRƯỜNG THCS QUẾ VÕ

HƯỚNG DẪN CHẤM
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2026 – 2027
Môn: Toán – Lớp 7

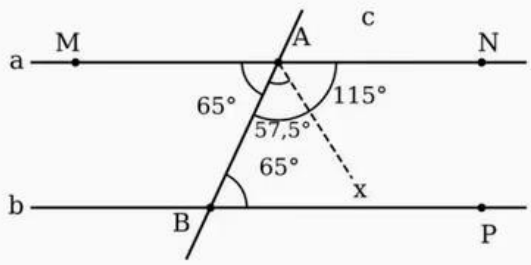
PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
B	A	B	B	B	D	C	D	C	A
Câu 11	**Câu 12**	**Câu 13**	**Câu 14**	**Câu 15**	**Câu 16**	**Câu 17**	**Câu 18**	**Câu 19**	**Câu 20**
C	C	A	D	C	B	C	C	A	D

PHẦN II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu	Hướng dẫn	Điểm
Câu 21		**1,0**
	a) $\frac{3}{5}-\frac{1}{4}=\frac{12}{20}-\frac{5}{20}$	0,25
	$=\frac{7}{20}$	0,25
	b) $\frac{5}{6}:\left(-\frac{5}{12}\right)+\left(\frac{1}{2}\right)^2=\frac{5}{6}\cdot\left(-\frac{12}{5}\right)+\frac{1}{4}$	0,25
	$=-2+\frac{1}{4}=-\frac{7}{4}$	0,25
Câu 22		**1,0**
	a) $x=\frac{3}{4}+\frac{2}{5}$ (chuyển vế, đổi dấu)	0,25
	$x=\frac{15}{20}+\frac{8}{20}=\frac{23}{20}$	0,25
	b) Vì $\left(\frac{3}{4}\right)^2=\frac{9}{16}$ và $\left(-\frac{3}{4}\right)^2=\frac{9}{16}$ nên $x=\frac{3}{4}$ hoặc $x=-\frac{3}{4}$.	0,25
	Kết luận đủ hai giá trị của x.	0,25
Câu 23		**1,0**
	a) Số tiền mua sách: $240\,000\cdot\frac{3}{8}=90\,000$ đồng. Còn lại: $240\,000-90\,000=150\,000$ đồng.	0,25
	b) Số tiền đóng quỹ: $\frac{1}{5}\cdot 150\,000=30\,000$ đồng.	0,25
	Số tiền còn lại: $150\,000-30\,000=120\,000$ đồng.	0,5
Câu 24		**1,5**
	a) Vì M, A, N thẳng hàng nên $\widehat{MAB}$ và $\widehat{BAN}$ kề bù, do đó $\widehat{BAN}=180°-65°=115°$.	0,5
	b) Ta có $\widehat{MAB}=\widehat{ABP}=65°$, hai góc này là cặp góc so le trong (nằm hai phía của c, trong hai đường thẳng a, b).	0,25
	Suy ra $a \parallel b$.	0,25
	c) Tia Ax là tia phân giác của $\widehat{BAN}$ nên $\widehat{BAx}=\frac{\widehat{BAN}}{2}$.	0,25
	$\widehat{BAx}=\frac{115°}{2}=57,5°$.	0,25



Câu 25		**0,5**
	$2^{300} = (2^3)^{100} = 8^{100}$; $3^{200} = (3^2)^{100} = 9^{100}$.	0,25
	Vì $8^{100} < 9^{100}$ nên $2^{300} < 3^{200}$.	0,25